

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 457 /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 06 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt trữ lượng, tài nguyên khoáng sản trong "Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá granit và đá phiến làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Thành Công, xã Thành Long, huyện Hàm Yên"

(Trữ lượng tính đến tháng 6 năm 2021)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 60/2017/QĐ-BTNMT ngày 09/12/2010 quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn và Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 quy định kỹ thuật công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp;

Căn cứ các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang: Quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 về việc thành lập Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đá phiến làm vật liệu xây dựng thông thường khu vực Thành Công, xã Thành Long, huyện Hàm Yên;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản 08/GP-UBND ngày 11/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang cho phép Công ty TNHH Xây dựng và Vận tải Hoàng Sơn thăm dò đá phiến làm vật liệu xây dựng thông thường khu vực Thành Công, xã Thành Long, huyện Hàm Yên;

Xét đề nghị của Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Vận tải Hoàng Sơn (địa chỉ: số nhà 19, phố Hoa Lư, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang);

Căn cứ kết luận của Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang tại Biên bản họp Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản số 04/BB-HĐTLKS ngày 23/7/2021 và phiếu đánh giá của các Ủy viên Hội đồng;

Theo đề nghị của Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang tại Tờ trình số 249/TTr-HĐTLKS ngày 03/8/2021 về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong "Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá granit và đá phiến làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Thành Công, xã Thành Long, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang".

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng tài nguyên khoáng sản trong "Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá granit và đá phiến làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Thành Công, xã Thành Long, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang", với các nội dung chính sau:

1. Tên gọi của báo cáo:

Báo cáo kết quả thăm dò đã xác định trong diện tích thăm dò có khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, bao gồm: đá granit chiếm chủ yếu (thành tạo magma của phức hệ Ngân Sơn chiếm 80%), đá phiến chiếm thứ yếu (thành tạo đá phiến hệ tầng Hà Giang chiếm 20%). Do đó tên gọi báo cáo kết quả thăm dò được gọi là "**Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá granit và đá phiến làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Thành Công, xã Thành Long, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang**".

2. Diện tích khu vực thăm dò phê duyệt trữ lượng, tài nguyên là 48,7 ha có tọa độ xác định tại Phụ lục số 01 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo Quyết định này.

3. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đã tính trong báo cáo: Tổng trữ lượng địa chất cấp 122 và tài nguyên cấp 222 là 10.530.755 m³; bao gồm:

3.1. Trữ lượng địa chất cấp 122: Tổng trữ lượng địa chất cấp 122 chiếm diện tích 29,0ha là 6.472.564 m³, cụ thể:

(1) Thân khoáng sản số 1 (đới đá granit phong hóa hoàn toàn – đới litoma) là 2.347.061 m³;

(2) Thân khoáng sản số 2 (đới đá granit bán phong hóa – đới saprolit) là 1.021.408 m³;

(3) Thân khoáng sản số 3 (đới đá granit chưa phong hóa) là 2.313.180 m³;

(4) Thân khoáng sản số 4 (đá phiến) là 449.907 m³;

(5) Đất phủ làm vật liệu san lấp là 341.008 m³.

3.2. Tài nguyên địa chất cấp 222: Tổng tài nguyên địa chất cấp 222 chiếm diện tích 19,7ha là 4.058.189 m³, cụ thể:

(1) Thân khoáng sản số 1 (đới đá granit phong hóa hoàn toàn – đới litoma) là 1.286.209 m³;

(2) Thân khoáng sản số 2 (đới đá granit bán phong hóa – đới saprolit) là 779.738 m³;

(3) Thân khoáng sản số 3 (đới đá granit chưa phong hóa) là 890.187 m³;

(4) Thân khoáng sản số 4 (đá phiến) là 817.551 m³;

(5) Đất phủ làm vật liệu san lấp là 284.504 m³.

4. Trữ lượng đưa vào thiết kế khai thác cấp 122 là 5.718.400 m³; bao gồm:

(1) Thân khoáng sản số 1 (đới đá granit phong hóa hoàn toàn – đới litoma) là 2.112.355 m³;

(2) Thân khoáng sản số 2 (đới đá granit bán phong hóa – đới saprolit) là 919.267 m³;

(3) Thân khoáng sản số 3 (đới đá granit chưa phong hóa) là 2.081.862 m³;

(4) Thân khoáng sản số 4 (đá phiến) là 404.916 m³;

(5) Đất phủ làm vật liệu san lấp là 200.000 m³ (Khối lượng 141.008 m³ còn lại được sử dụng vào mục đích cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác mỏ).

5. Tài nguyên cấp 333: 69.466 tấn quặng.

6. Các khoáng sản đi kèm: Không.

7. Mức sâu các khối trữ lượng phê duyệt: như Phụ lục số 2 kèm theo.

Điều 2. Các tài liệu của Báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ/thiết kế khai thác mỏ và nộp lưu trữ địa chất theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Hàm Yên; Chủ tịch Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang; Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Vận tải Hoàng Sơn; thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh; (Báo cáo)
- PCT UBND tỉnh phụ trách TNMT;
- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam;
- Như Điều 3;
- Chuyên viên KS
- Lưu VT, (Đ 28).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thế Giang